

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: TIN HỌC, LỚP 10 – SÁCH KNTT (ICT)

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng% điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 5 : Giải quyết vấn đề với sự giúp đỡ của máy tính.	Bài 21. Câu lệnh While	1		1			1			15% (1,5 điểm)
		Bài 22. Kiểu dữ liệu danh sách	3		3						15% (1,5 điểm)
		Bài 23. Một số lệnh làm việc với dữ liệu danh sách	3		1					1	20% (2,0 điểm)
		Bài 24. Xâu kí tự	3		3						15% (1,5 điểm)
		Bài 25. Một số lệnh làm việc với xâu kí tự	3		1			1			20% (2,0 điểm)
		Bài 26. Hàm trong Python	3		3						15% (1,5 điểm)
Tổng			16		12			2		1	
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức			40		30		20		10		10
Tỉ lệ chung			70				30				100

- Kiến thức, kĩ năng được tính cho các chủ đề và theo Chương trình GDPT 2018.

- Chủ đề lựa chọn không tham gia vào kiểm tra định kì.
- Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung kiểm tra giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết.
- TNKQ: dành để đánh giá mức độ Biết (16 câu), Hiểu (12 câu).
- Tự luận: Vận dụng (2 câu). Thực hành: vận dụng cao (1 câu).

1. XÂY DỰNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN: TIN HỌC 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo các mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự giúp đỡ của máy tính.	Bài 21. Câu lệnh While (1)	Nhận biết: Biết cấu trúc câu lệnh lặp while với số vòng lặp không biết trước. Thông hiểu: Sử dụng được câu lệnh lặp While Vận dụng: Viết và thực hiện được chương trình giải quyết bài toán đơn giản	1(TNKQ)	1 (TNKQ)	1	0
		Bài 22. Kiểu dữ liệu danh sách	Nhận biết: Biết được kiểu dữ liệu danh sách (list), cách khởi tạo và truy cập từng phần tử của danh sách. Thông hiểu:	3(TNKQ)	3TNKQ)	0	0

			Đọc hiểu được chương trình đơn giản.				
		Bài 23. Một số lệnh làm việc với dữ liệu danh sách	<p>Nhận biết: Biết cách duyệt danh sách bằng toán tử in. Biết được một số phương thức thường dùng với danh sách.</p> <p>Thông hiểu : - Đọc hiểu được chương trình đơn giản. - Kiểm thử và gỡ lỗi được chương trình.</p> <p>Vận dụng cao - Viết và thực hiện được chương trình và thực hiện một số phương thức thường dùng với danh sách</p>	3(TNKQ)	1(TNKQ)	0	1
		Bài 24. Xâu kí tự	<p>Nhận biết: Biết được xâu kí tự là kiểu dữ liệu Python.</p> <p>Thông hiểu : Thực hiện lệnh For để xử lý xâu</p>	3(TNKQ)	3(TNKQ)	0	0
		Bài 25. Một số lệnh làm việc với xâu kí tự	<p>Nhận biết: Biết được một số lệnh thường dùng với xâu kí tự.</p> <p>Thông hiểu : Thực hiện được một số lệnh thường dùng với xâu kí tự.</p> <p>Vận dụng: Viết và thực hiện được chương trình giải quyết bài toán đơn giản</p>	3(TNKQ)	1(TNKQ)	1	0

		Bài 26. Hàm trong Python	Nhận biết: Biết được chương trình con là hàm. Thông hiểu: Thực hiện và tạo hàm đơn giản. Vận dụng:	3(TNKQ)	3(TNKQ)		
Tổng				16	12	2	1
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

2. ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II NĂM HỌC 2023 - 2024

Môn: Tin học, Lớp 10

Thời gian làm bài: 45 phút, không tính thời gian phát đề

Họ và tên học sinh: Mã số học sinh:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1 (NB 5.1). Cho biết cú pháp lệnh lặp với số lần chưa biết trước?

- A. while <điều kiện> to <khối lệnh>
- B. while <điều kiện> do: <khối lệnh>
- C. while <điều kiện>: <khối lệnh>
- D. while <điều kiện> to <khối lệnh1> do <khối lệnh 2>

Câu 2 (NB 5.1). Cho biết kết quả của đoạn chương trình dưới đây?

a = 10

```
while a < 11: print(a)
```

- A. Trên màn hình xuất hiện một số 10.
- B. Trên màn hình xuất hiện 10 chữ a.
- C. Trên màn hình xuất hiện một số 11.
- D. Chương trình bị lặp vô tận.

Câu 3 (NB 5.2). Đối tượng dưới đây thuộc kiểu dữ liệu nào?

A = [1, 2, '3']

- A. list.
- B. string.
- C. int.
- D. float.

Câu 4 (NB 5.2). Để tham chiếu đến phần tử thứ 2 của danh sách A = [3,4,5,6,7,8,9] lệnh nào sau đây đúng?

- A. print(A[2])
- B. print(A[1])
- C. print(A[3])
- D. print(A[0])

Câu 5 (NB 5.2). Cách khai báo kiểu danh sách sau đây sai?

- A. ls = [1, 2, 3]
- B. ls = [x for x in range(3)]
- C. ls = [int(x) for x in input().split()]
- D. ls = list(3).

Câu 6 (TH 5.2). Sau khi thực hiện chương trình sẽ cho kết quả?

A=[3,2,1,5,6,10,7,12,18]

```
for i in range(2,5): print(A[i],end=" ")
```

A. 2 1 5 6

B. 1 5 6

C. 1 5 6 10

D. 2 1 5

Câu 7 (TH5.2). Sau khi thực hiện các lệnh dưới đây, danh sách A chứa các phần tử?

```
>>> A = [2, 3, 5, 6]
```

```
>>> A.append(4)
```

```
>>> del (A[2])
```

A. [2, 4, 5, 6]

B. [2, 3, 6, 4]

C. [2, 3, 4, 5, 6, 4]

D. [2, 3, 4, 5, 6]

Câu 8 (TH5.2). Cho danh sách A=[1, 3, 5, 0] và sau khi lệnh insert(), thì kết quả A=[1, 3, 4, 5, 0], lệnh nào sau đây đã được sử dụng?

A. A.insert(4, 3)

B. A.insert(4, 2)

C. A.insert(3, 4)

D. A.insert(2, 4)

Câu 9 (NB 5.3). Toán tử nào dùng để kiểm tra một giá trị có nằm trong danh sách?

A. int

B. range

C. in

D. append

Câu 10 (NB 5.3). Hoàn thiện chương trình tính tích các phần tử dương trong danh sách A.

```
A = [-3, 2, 1, -4, 5, -1]
```

```
s = (...)
```

```
for i in range(len(A)): (...)
```

```
s = s * A[i] print(s)
```

A. 0, if A[i] > 0

B. 1, if A[i] > 0:

C. 1, if A[i] >= 0

D. 0, if A[i] > 0:

Câu 11 (NB 5.3). Kết quả của chương trình sau là gì? A=[1,2,3,4,5,6,5]

```
for k in A: print(k, end=" ")
```

A. 2 3 4 5 6 5

B. 1 2 3 4 5

C. 1 2 3 4 5 6 5

D. 1 2 3 4 5 6

Câu 12 (TH 5.3). Phần tử thứ bao nhiêu trong mảng A bị xoá?

```
>>> A = [10, 20, 3, 30, 20, 30, 20, 6, 3, 2, 8, 9]
```

```
>>> A.remove(3)
```

```
>>> print(A)
```

A. 3

B. 2

C. 4

D. 8

Câu 13 (NB 5.4). Phát biểu nào chưa chính xác khi nói về toán tử in?

A. Toán tử in là toán tử duy nhất giải quyết được bài toán kiểm tra xâu có nằm trong xâu không

B. Toán tử in trả về giá trị True nếu xâu 1 nằm trong xâu 2

C. Toán tử in trả về giá trị False nếu xâu 1 không nằm trong xâu 2

D. Biểu thức kiểm tra xâu 1 nằm trong xâu 2 là: <xâu1> in <xâu 2>

Câu 14 (NB 5.4). Sử dụng lệnh nào để tìm vị trí của một xâu con trong xâu khác không?

A. test()

B. in()

C. find()

D. split()

Câu 15 (NB 5.4). Trong Python, câu lệnh nào dùng để tính độ dài của xâu s?

A. len(s).

B. length(s).

C. s.len().

D. s. length().

Câu 16 (TH 5.4). Trong NNLT Python cho đoạn chương trình sau

```
s1='a'
```

```
s2='b'
```

```
print(s1+s2)
```

Khi thực hiện đoạn chương trình, kết quả trên màn hình là?

A. 'ab'

B. 'a'

C. 'ba'

D. 'b'

Câu 17 (TH 5.4). Xâu rỗng là xâu có độ dài bằng?

A. 1

B. 2

C. 0

D. 3

Câu 18(TH 5.4). Chương trình trên giải quyết bài toán gì?

```
s=""
```

```
for i in range(10): s=s+str(i)
```

```
print(s)
```

A. In một chuỗi kí tự từ 0 tới 9

B. In một chuỗi kí tự từ 1 tới 10

C. In một chuỗi kí tự từ 0 tới 10

D. In một chuỗi kí tự từ 1 đến 9

Câu 19(NB 5.5). Cho xâu s = "1, 2, 3, 4, 5". Muốn xoá bỏ kí tự “,” và thay thế bằng dấu “ ” để được xâu s=' 1 2 3 4 5' ta sử dụng câu lệnh nào?

A. " ".join(s.split(","))

B. del() và replace()

C. remove(s)

D. split() và replace()

Câu 20 (NB 5.5). Sau khi thực hiện lệnh sau, biến s2 sẽ có kết quả là bao nhiêu?

```
s1="3986443" s2=""  
for ch in s1:  
    if int(ch)%2==0: s2=s2+ch  
print(s2)
```

A. 3986443

B. 8644

C. 39864

D. 443

Câu 21 (NB 5.5). Cho xâu st ='abc', xâu st có độ dài là?

A. 1

B. 2

C. 4

D. 3

Câu 22 (NB 5.6). Cho đoạn chương trình sau

```
defNhap:  
    a=input()  
Nhap
```

Chương trình trên có bao nhiêu chương trình con?

A. 0

B. 1

C. 2

D. 3

Câu 23 (NB 5.6). Cho đoạn chương trình, sau khi thực hiện kết quả hiển thị trên màn hình?

```
def sao():  
    print("*****")  
sao()  
sao()  
sao()
```

A. 3 dòng sao()

B. 4 dòng '*****'

C. 4 dòng sao()

D. 3 dòng '*****'

Câu 24 (NB 5.6). Phát biểu nào sau đây là sai khi nói về chương trình con?

A. Tránh được việc phải viết đi viết lại cùng một dãy lệnh.

B. Chương trình dễ hiểu, dễ đọc.

C. Khó phát hiện lỗi.

D. Giúp việc lập trình trở lên dễ dàng hơn.

Câu 25 (TH 5.6). Cho đoạn chương trình sau, kết quả trả về ?

```
def min(a,b):  
    if a<b:  
        min=a  
    else:
```



```
        min=b
    return min
print(min(min(-4,-1),-3))
```

- A. -3
- B. -1
- C. -4
- D. -4.0

Câu 26 (TH 5.6). Cách gọi hàm đúng theo dòng khai báo phần đầu của hàm trong Python

```
def Tong (x,y):
```

- A. Tong = a + b;
- B. Tong (a+b)
- C. Tong =(x,y)
- D. T = Tong (5, 6)

Câu 27 (TH 5.6). Trong NNLT Python cho đoạn chương trình sau

```
def LT(a):
    k=a**3
    return k
x=int(input('x='))
print(LT(x))
```

Khi thực hiện chương trình trên, giả sử nhập $x = 3$, thì trên màn hình cho kết quả trả về?

- A. 9
- B. 3
- C. 27
- D. 6

Câu 28 (TH 5.6). Cho đoạn chương trình sau, kết quả trả về?

```
def HALO(x,y):
    tam=x
    x=y
    y=tam
    print("x=",x,"y=",y)
```

```
HALO(10,4)
```

- A. x= 10 y= 4
- B. x= 4 y= 10
- C. 4 10
- D. 10 4

II. PHẦN TỰ LUẬN/THỰC HÀNH

Câu 1 (VD). Viết chương trình chuyển một xâu sang viết hoa?

Câu 2 (VD). Viết chương trình nhập vào 2 số nguyên a, b. Tìm Ước chung lớn nhất của a và b?

Câu 3 (VDC). Viết chương trình Python đếm số lượng các số hạng dương và tổng của các số hạng dương?

3. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn: TIN HỌC - Lớp 10

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án														
Câu												
Đáp án												

* Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0.25 điểm.

II. PHẦN TỰ LUẬN/THỰC HÀNH (3 điểm)

Nội dung tự luận/thực hành	Điểm
Bài 1 (vận dụng)	
Khai báo được xâu kí tự	0.5 điểm
Chuyển xâu sang xâu kí tự hoa	0.5 điểm
Bài 2 (vận dụng)	
Nhập được hai số nguyên a, b	0.5 điểm
Sử dụng được cấu trúc while vào chương trình để tìm UCLN của 2 số a,b	0,5 điểm
Bài 3 (vận dụng cao)	
Khởi tạo được danh sách	0.25 điểm
Đếm được số lượng phần tử dương trong danh sách	0.25 điểm
Tính tổng các phần tử dương trong danh sách	0.5 điểm